



**Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng
Sơn Hà**

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0101809894

ngày 27 tháng 10 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101809894 ngày 5 tháng 6 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vinh Sơn	Chủ tịch
Ông Hoàng Mạnh Tân	Thành viên
Ông Đàm Quang Hùng	Thành viên (từ ngày 31/5/2018)
Bà Bùi Minh Trang	Thành viên (từ ngày 31/5/2018)
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên (từ ngày 31/5/2018)
Ông Lê Văn Tấn	Thành viên (đến ngày 31/5/2018)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Mạnh Tân	Giám đốc
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Giám đốc (từ 10/8/2018)

Ban Kiểm soát

Bà Lê Khánh Linh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thắm	Thành viên
Bà Đào Thị Thảo	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai
Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 27 tháng 3 năm 2018.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00181-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2019

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2040-2018-007-1

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		85.071.911.195	80.171.597.470
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.386.087.431	1.687.069.644
Tiền	111		1.386.087.431	1.687.069.644
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.306.216.952	58.846.059.920
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	57.119.947.990	55.212.012.395
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	629.581.337	2.770.038.173
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.739.386.580	1.936.009.352
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.182.698.955)	(1.072.000.000)
Hàng tồn kho	140	9	25.298.550.687	19.570.539.090
Hàng tồn kho	141		25.493.099.162	20.013.339.090
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(194.548.475)	(442.800.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		81.056.125	67.928.816
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		81.056.125	67.928.816
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		5.453.983.716	2.575.241.070
Tài sản cố định	220		4.766.499.106	2.069.020.074
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.686.375.856	1.958.765.390
Nguyên giá	222		8.916.187.026	5.763.378.803
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.229.811.170)	(3.804.613.413)
Tài sản cố định vô hình	227	11	80.123.250	110.254.684
Nguyên giá	228		159.181.000	159.181.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(79.057.750)	(48.926.316)
Tài sản dài hạn khác	260		687.484.610	506.220.996
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	687.484.610	506.220.996
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		90.525.894.911	82.746.838.540

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		24.092.305.497	52.424.098.814
Nợ ngắn hạn	310		24.092.305.497	52.424.098.814
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	19.200.410.138	36.597.009.505
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	583.529.500	569.846
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.197.505.833	1.610.146.927
Phải trả người lao động	314		1.577.851.699	1.522.429.681
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		147.000.000	20.378.123
Phải trả ngắn hạn khác	319		386.008.327	317.633.820
Vay ngắn hạn	320	16(a)	-	12.278.096.341
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	77.834.571
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		66.433.589.414	30.322.739.726
Vốn chủ sở hữu	410	17	66.433.589.414	30.322.739.726
Vốn cổ phần	411	18	50.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		123.932.857	923.932.857
Lợi nhuận sau thuế lũy kế	421		16.309.656.557	9.398.806.869
- LNST lũy kế đến cuối năm trước	421a		198.806.869	120.898.691
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.110.849.688	9.277.908.178
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		90.525.894.911	82.746.838.540

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Bá Thị Hợp
Kế toán trưởng

Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	221.644.078.616	181.982.178.332
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	981.662.955	437.984.219
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	220.662.415.661	181.544.194.113
Giá vốn hàng bán	11	22	193.676.905.103	158.446.781.398
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		26.985.510.558	23.097.412.715
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	788.972.115	539.066.069
Chi phí tài chính	22		457.794.706	113.007.521
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		366.822.749	95.831.937
Chi phí bán hàng	25	24	5.330.096.076	5.420.417.361
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	4.716.325.844	4.074.289.916
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		17.270.266.047	14.028.763.986
Thu nhập khác	31	26	2.919.045.601	300.871.885
Chi phí khác	32		961.859	2.447.713.873
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.918.083.742	(2.146.841.988)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.188.349.789	11.881.921.998
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.077.500.101	2.604.013.820
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		16.110.849.688	9.277.908.178

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		16.110.849.688	9.277.908.178
Lãi trên cổ phiếu				Điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	3.576	3.031

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Bá Thị Hợp
Kế toán trưởng



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		20.188.349.789	11.881.921.998
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		913.714.580	431.203.754
Các khoản dự phòng	03		(137.552.570)	192.800.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(289.212.216)	(522.400.001)
Chi phí lãi vay	06		366.822.749	95.831.937
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		21.042.122.332	12.079.357.688
Biến động các khoản phải thu	09		(12.088.733.902)	(39.655.579.941)
Biến động hàng tồn kho	10		(5.479.760.072)	(2.309.750.635)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(4.425.965.584)	24.510.054.825
Biến động chi phí trả trước	12		(146.724.230)	(304.025.590)
			(1.099.061.456)	(5.679.943.653)
Tiền lãi vay đã trả	14		(387.200.872)	(75.453.814)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.589.949.355)	(2.147.600.814)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(105.063.200)	(94.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.181.274.883)	(7.996.998.281)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.571.823.205)	(2.144.608.132)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		267.272.727	-
Tiền thu lãi tiền gửi và lãi cho vay	27		462.939.489	522.400.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.841.610.989)	(1.622.208.131)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		20.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		6.346.241.226	12.416.096.341
Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.624.337.567)	(138.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		-	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.721.903.659	8.278.096.341
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(300.982.213)	(1.341.110.071)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.687.069.644	3.028.179.715
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	1.386.087.431	1.687.069.644

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Bá Thị Hợp
Kế toán trưởng



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 93 nhân viên (1/1/2018: 78 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 8 năm |
| ▪ phương tiện vận tải | 2 – 7 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng và một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	199.925.608	258.585.611
Tiền gửi ngân hàng	1.186.161.823	1.428.484.033
	1.386.087.431	1.687.069.644

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	34.303.208.292	31.398.948.561
Công ty Cổ phần Toàn Thắng	5.679.091.628	5.211.405.993
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	6.860.131.257	5.716.008.593
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	3.430.156.683	4.953.119.902
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	-	29.252.018
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	-	2.902.717.856
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà	-	2.295.400
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	3.194.400	1.972.793
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	32.670	1.182.478
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ	2.916.962.951	1.850.293.831
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	1.594.694.319	1.490.210.920
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	227.212.128	579.029.990
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	364.310.650	-
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Bắc	111.043.680	-
Các khách hàng khác		
Nguyễn Hồng Quân	439.630.916	155.167.997
Đào Văn Toàn	384.074.229	64.000.000
Các khách hàng khác	806.204.187	856.406.063
	57.119.947.990	55.212.012.395

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan (trừ khoản phải thu Công ty Cổ phần Toàn Thắng, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà và Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai) không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu thương mại từ Công ty Cổ phần Toàn Thắng, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà và Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai không có đảm bảo, có thời hạn thu hồi là 15 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn, và chịu lãi 10,5%/năm kể từ ngày quá hạn thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán là 51.983 triệu VND, trong đó Công ty đã thu hồi được 36.469 triệu VND tính đến ngày phát hành báo cáo này. Toàn bộ các khoản phải thu quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đã được thu hồi đến ngày phát hành báo cáo là phải thu từ các công ty liên quan bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc, Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn, Công ty Cổ Phần Toàn Thắng, Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ.

Ban Giám đốc Công ty xác định các khoản phải thu đã quá hạn nhưng chưa được thu hồi với số tiền còn lại là 15.514 triệu VND vẫn có thể được thu hồi trong tương lai nên không được coi là nợ xấu và không trích lập dự phòng.

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Dongguan Zhengyang Import and Export Trading Co., Ltd	241.471.138	-
Công ty TNHH Công nghệ Chế tạo và Hóa chất		
Công nghiệp TNT	184.910.000	-
Haining Fu Jiang Import & Export Co., Ltd.	-	2.542.994.757
Các khách hàng khác	203.200.199	227.043.416
	<hr/>	<hr/>
	629.581.337	2.770.038.173
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các bên liên quan		
Ông Lê Vĩnh Sơn	-	23.546.250
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà – công ty mẹ	-	442.217.125
Các bên khác		
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	536.000.000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	536.000.000
Tạm ứng	536.963.000	195.570.000
Ký cược, ký quỹ	10.282.500	10.282.500
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	120.141.080	192.393.477
	<hr/>	<hr/>
	1.739.386.580	1.936.009.352
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018				1/1/2018			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Ông Hoàng Trọng Thủy	trên 24 tháng	211.397.909	(110.698.955)	100.698.954	trên 12 tháng	231.397.909	-	231.397.909
Ông Kiều Thanh Phong	trên 3 năm	536.000.000	(536.000.000)	-	trên 3 năm	536.000.000	(536.000.000)	-
Ông Nguyễn Văn Thảo	trên 3 năm	536.000.000	(536.000.000)	-	trên 3 năm	536.000.000	(536.000.000)	-
		1.283.397.909	(1.182.698.955)	100.698.954		1.303.397.909	(1.072.000.000)	231.397.909

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đi đường	2.396.447.679	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	15.364.193.930	(185.972.883)	13.530.730.055	(315.978.806)
Công cụ, dụng cụ	213.213.936	-	123.176.772	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	344.674.853	-	30.859.540	-
Thành phẩm	5.759.044.710	(8.575.592)	4.050.060.659	(126.821.194)
Hàng hóa	1.415.524.054	-	2.278.512.064	-
	25.493.099.162	(194.548.475)	20.013.339.090	(442.800.000)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 333 triệu VND thành phẩm và nguyên vật liệu (1/1/2018: 594 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.315.194.928	448.183.875	5.763.378.803
Tăng trong năm	2.696.736.669	962.123.636	3.658.860.305
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	(57.868.207)	-	(57.868.207)
Thanh lý	-	(448.183.875)	(448.183.875)
Số dư cuối năm	7.954.063.390	962.123.636	8.916.187.026
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.356.429.538	448.183.875	3.804.613.413
Khấu hao trong năm	883.583.146	-	883.583.146
Phân loại sang chi phí trả trước dài hạn	(10.201.514)	-	(10.201.514)
Thanh lý	-	(448.183.875)	(448.183.875)
Số dư cuối năm	4.229.811.170	-	4.229.811.170
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.958.765.390	-	1.958.765.390
Số dư cuối năm	3.724.252.220	962.123.636	4.686.375.856

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 3.541 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 3.011 triệu VND).

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	159.181.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	48.926.316
Khấu hao trong năm	30.131.434
Số dư cuối năm	79.057.750
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	110.254.684
Số dư cuối năm	80.123.250

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND
Số dư đầu năm	506.220.996
Tăng trong năm	511.229.832
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	47.666.693
Phân bổ trong năm	(377.632.911)
Số dư cuối năm	687.484.610

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp có số dư lớn và các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công ty liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	4.358.123.160	12.841.628.929
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà	690.387.387	541.132.034
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	123.468.829	46.310.000
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	678.502.705	519.062.226
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	6.114.099.349	14.246.409.724
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	262.440.661	54.912.000
Công ty Cổ Phần Toàn Thắng	51.925.225	-
Các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Đại Nam	1.721.926.900	1.077.208.100
Haining Fu Jiang Import & Export Co., Ltd.	1.361.597.759	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Đồng Tâm	-	1.186.598.268
Công ty TNHH VIDACO	676.166.404	1.588.087.012
Các nhà cung cấp khác	3.161.771.759	4.495.661.212
	19.200.410.138	36.597.009.505

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp và Môi trường Á Châu	405.760.000	-
Shophouse 6/-70-Khách Sạn An Sơn Tuần Châu	150.900.000	-
Các khách hàng khác	26.869.500	569.846
	583.529.500	569.846

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế GTGT đầu ra	350.821.226	26.158.846.304	(26.232.469.776)	277.197.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.218.378.043	4.077.500.101	(3.589.949.355)	1.705.928.789
Thuế thu nhập cá nhân	40.947.658	204.450.318	(156.778.686)	88.619.290
Thuế nhập khẩu	-	104.808.696	(104.808.696)	-
Phí, lệ phí	-	125.760.000	-	125.760.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	1.610.146.927	30.674.365.419	(30.087.006.513)	2.197.505.833

16. Vay**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	11.607.643.426	6.346.241.226	(17.953.884.652)	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16(b))	670.452.915	-	(670.452.915)	-
	12.278.096.341	6.346.241.226	(18.624.337.567)	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	VND	6,3%	-	11.607.643.426

Khoản vay ngắn hạn là các khoản giải ngân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/4916331/HĐTD ngày 1 tháng 8 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Hạn mức tín dụng thường xuyên được cấp với số tiền tối đa là 20.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là từ ngày 1 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018. Thời hạn hoàn trả của các khoản giải ngân theo hợp đồng này là 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	VND	6,3%	2018	-	670.452.915
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16(a))				-	(670.452.915)
					<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	-
					<hr/>

Khoản vay dài hạn thể hiện khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/4916331/HĐTD ngày 21 tháng 9 năm 2017 để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngân hàng cho Công ty vay với tổng số tiền tối đa là 5.938.000.000 VND nhưng không vượt quá 75% tổng mức đầu tư thực tế của dự án. Khoản vay có thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/4916331/HĐBĐ ngày 26 tháng 9 năm 2017.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	20.000.000.000	-	5.229.618.119	25.229.618.119
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.277.908.178	9.277.908.178
Phân bổ vào các quỹ	-	923.932.857	(1.108.719.428)	(184.786.571)
Chia cổ tức	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2018	20.000.000.000	923.932.857	9.398.806.869	30.322.739.726
Phát hành cổ phiếu	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Phát hành cổ phiếu từ Quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 19)	800.000.000	(800.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (Thuyết minh 19)	9.200.000.000	-	(9.200.000.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.110.849.688	16.110.849.688
Số dư tại ngày 31/12/2018	50.000.000.000	123.932.857	16.309.656.557	66.433.589.414

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	2.000.000	20.000.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu từ Quỹ đầu tư phát triển trong năm (Thuyết minh 19)	80.000	800.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức trong năm (Thuyết minh 19)	920.000	9.200.000.000	-	-
Số dư cuối năm	5.000.000	50.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000

19. Cổ tức

Ngày 3 tháng 4 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt Nghị quyết số 01/2018/NQ - ĐHĐCĐ về phương án chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 46% vốn điều lệ xác định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu phổ thông được nhận 46 cổ phiếu phát hành thêm) và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 25:1.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	113	2.557.801	116	2.633.041
CNY	-	-	5.370	18.016.350
WON	-	-	569.000	11.550.700
		<hr/>		<hr/>
		2.557.801		32.200.091
		<hr/>		<hr/>

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	41.351.976.508	35.013.379.530
▪ Bán thành phẩm	180.144.917.554	146.812.994.606
▪ Cung cấp dịch vụ	147.184.554	155.804.196
	<hr/>	<hr/>
	221.644.078.616	181.982.178.332
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(981.662.955)	(437.984.219)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	220.662.415.661	181.544.194.113
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.372.094.558	33.261.243.050
Giá vốn của thành phẩm đã bán	156.257.231.600	125.162.098.371
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	47.578.945	23.439.977
	<hr/>	<hr/>
	193.676.905.103	158.446.781.398

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	21.939.489	96.775.210
Lãi cho vay	-	441.000.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	765.450.000	-
Lãi chênh lệch tỷ đã thực hiện	1.582.626	1.290.859
	<hr/>	<hr/>
	788.972.115	539.066.069

24. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	1.205.199.827	1.366.919.558
Chi phí khấu hao	18.752.250	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.011.441.304	2.737.505.946
Chi phí khác	1.094.702.695	1.315.991.857
	<hr/>	<hr/>
	5.330.096.076	5.420.417.361

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.527.687.593	2.502.998.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.878.037	136.850.941
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.396.317	31.329.954
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	743.792.540	726.176.897
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	110.698.955	-
Chi phí khác	1.277.872.402	673.934.008
	4.716.325.844	4.074.289.916

26. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Truy thu Ông Lê Văn Tấn – cựu thành viên Hội đồng Quản trị (*)	2.139.096.540	-
Điều chỉnh chênh lệch kiểm kê	95.718.063	-
Thu nhập từ lãi phạt trả chậm do vi phạm hợp đồng	337.683.378	249.896.912
Lãi thanh lý tài sản cố định	267.272.727	-
Thu nhập khác	79.274.893	50.974.973
	2.919.045.601	300.871.885

(*) Khoản truy thu này thể hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho phần bị cơ quan thuế truy thu và phạt thuế giá trị gia tăng trong năm.

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và kinh doanh	146.078.447.480	118.931.893.928
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	37.372.094.558	33.261.243.050
Chi phí nhân công	10.515.510.674	8.873.302.530
Chi phí khấu hao	913.714.580	431.203.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.244.868.166	7.252.003.039
Chi phí khác	2.535.521.464	943.657.744

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.077.500.101	2.865.945.174
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(261.931.354)
	<hr/>	<hr/>
	4.077.500.101	2.604.013.820
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.188.349.789	11.881.921.998
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.037.669.958	2.376.384.400
Chi phí không được khấu trừ thuế	39.830.143	489.560.774
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(261.931.354)
	<hr/>	<hr/>
	4.077.500.101	2.604.013.820
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định về thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	16.110.849.688	9.277.908.178
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(184.786.571)
	16.110.849.688	9.093.121.607

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy về số lợi nhuận thuần được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm 2018. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017
		Điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	2.000.000	2.000.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	920.000	920.000
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm	80.000	80.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm (*)	1.505.381	-
	4.505.381	3.000.000

(*) Trong năm, Công ty phát hành 2.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, thấp hơn giá trị thị trường, do đó, đây được coi là có yếu tố thưởng trong việc phát hành cổ phiếu. Công ty ước tính giá trị thị trường của cổ phiếu của Công ty ngay trước thời điểm phát hành này căn cứ theo giá đóng cửa bình quân của cổ phiếu của Công ty sau khi niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và biến động của chỉ số HNX.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		
Mua nguyên vật liệu	37.257.430.670	53.968.867.879
Mua công cụ, dụng cụ	81.222.163	66.734.900
Mua thành phẩm, hàng hóa	-	11.791.349.479
Mua tài sản cố định	1.625.465.270	29.669.846
Mua dịch vụ	3.477.340.598	2.107.954.680
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.045.856	35.521.269.131
Tiền thu hồi cho vay	-	7.000.000.000
Lãi cho vay phát sinh	-	441.000.000
Lãi cho vay được nhận	441.000.000	-
Góp vốn	10.318.000.000	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	4.746.280.000	-
Nhận cổ tức bằng tiền	-	2.063.600.000
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	518.840.442	39.342.955.622
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu	5.064.990.127	13.485.707.229
Mua công cụ, dụng cụ	641.500	-
Mua dịch vụ	1.549.885.771	471.025.441
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.247.430	283.648.380
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	39.921.981	310.830.740
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Sơn Hà		
Mua hàng hóa, thành phẩm	8.307.000	-
Mua dịch vụ	2.802.922.746	1.857.244.700
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.599.350	3.263.467
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	43.654.685	1.294.414
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà		
Mua nguyên vật liệu	21.713.636	-
Mua dịch vụ	1.005.239	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.530.326.424	88.781.107
Lãi trả chậm theo hợp đồng	13.150.488	-
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.009.478.801	15.284.544.897
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.746.235.900	37.632.989.829

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh		
Mua hàng hóa, thành phẩm	41.037.060	-
Mua nguyên vật liệu	66.450.308.791	26.271.120.019
Mua dịch vụ	38.463.853	123.654.562
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.119.755.840	11.473.954.380
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	10.734.449.290	9.787.842.315
Công ty TNHH Một thành viên Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.864.117.411	4.299.451.770
Lãi trả chậm theo hợp đồng	2.799.531	-
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		
Mua nguyên vật liệu	32.029.953	39.379.749
Mua hàng hóa, thành phẩm	99.437.134	19.072.374
Mua dịch vụ	599.026.408	185.300.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.842.403.405	56.453.332.146
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	726.384.016	221.817.337
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ		
Mua dịch vụ	3.485.000	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.495.285.136	3.051.231.611
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung		
Mua nguyên vật liệu	142.523.865	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.590.538.557	526.390.900
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Bắc		
Mua tài sản cố định	10.152.100	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.310.573.240	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà		
Mua hàng hóa, thành phẩm	38.288.352	-
Mua nguyên vật liệu	1.212.351.083	49.920.000
Mua công cụ, dụng cụ	293.076.459	-
Mua tài sản cố định	63.816.959	-
Mua dịch vụ	1.000.000	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.074.932	1.793.448
Chiết khấu thanh toán	765.450.000	-
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	9.004.360.818	-
Công ty Cổ Phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	331.191.500	-

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Toàn Thắng		
Mua nguyên vật liệu	46.200.000	-
Mua dịch vụ	1.004.750	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.237.234.896	11.986.138.400
Lãi trả chậm theo hợp đồng	321.733.359	249.896.912
Bù trừ công nợ phải thu, phải trả	-	22.902.000
Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	757.246.230	749.597.067
Góp vốn	4.000.000.000	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	1.840.000.000	-
Nhận cổ tức bằng tiền	-	800.000.000
Thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	286.926.118	476.949.908
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Góp vốn	5.682.000.000	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	2.613.720.000	-

31. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, trong cuộc họp ngày 21 tháng 1 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 10% tương đương với 1.000 VND/1 cổ phiếu. Số tiền phải trả chưa được trích trước trong báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Hoàn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Bá Thị Hợp
Kế toán trưởng



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc